

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH Đ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 47/2024/DS-ST
Ngày: 13-8-2024
V/v: “Tranh chấp thừa kế tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH Đ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Kim Xuyên

Bà Dương Thị Thúy Hằng

Thư ký phiên tòa: Bà Quân Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2024 về “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1292/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1947.

Địa chỉ: Tổ 11, ấp Đ, xã H, huyện N, tỉnh Đ.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1963 (văn bản ủy quyền ngày 03/4/2024)

Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện N, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Bà Lâm Thị Cẩm V, sinh năm 1948

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện C, tỉnh S.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1972 (văn bản ủy quyền ngày 30/5/2024).

Địa chỉ: Tổ 8, ấp Đ, xã H, huyện N, tỉnh Đ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lâm Thị M, sinh năm 1940

Người đại diện hợp pháp của bà M: Ông Lê Hoàng D, sinh năm 1975 (văn bản ủy quyền ngày 30/5/2024)

Cùng địa chỉ: Tổ 11, ấp Đ, xã H, huyện N, tỉnh Đ.

- Ông Vi Quốc Tr, sinh năm 1972

Địa chỉ: Tổ 11, ấp Đ, xã H, huyện N, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1963 (van bản ủy quyền ngày 03/4/2024)

Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện N, tỉnh Đ.

- Bà Vi Thị Thanh L, sinh năm 1967

- Ông Vi Quốc D1, sinh năm 1978

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện C, tỉnh S.

- Ông Vi Quốc Th, sinh năm 1975

Địa chỉ: khu C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đ.

- Anh Lê Minh Th1, sinh năm 1987

- Chị Phạm Thị Th, sinh năm 1988

- Cháu Lê Anh V, sinh ngày 26/8/ 2009 và cháu Lê Anh K, sinh ngày 28/10/ 2018 (người đại diện theo pháp luật của cháu V, K là anh Th1 và chị Th).

- Ông Lê Văn H, sinh năm 1973.

- Bà Lê Thị Hồng Đ, sinh năm 1974.

- Chị Lê Thị Thanh H, sinh năm 1995.

- Bà Huỳnh Thị X, sinh năm 1978

- Cháu Vi Huỳnh Quốc Tr1, sinh ngày 21/5/2016 (người đại diện theo pháp luật của cháu Tr1 là ông Vi Quốc Tr và bà Huỳnh Thị X)

- Anh Nguyễn Hữu Ph, sinh năm 1992

Cùng địa chỉ: Tổ 11, ấp Đ, xã H, huyện N, tỉnh Đ.

(Bà Loan, bà D, ông D có mặt; các đương sự khác có yêu cầu vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị S có người đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:*

Mẹ bà S là bà Lâm Thị B (sinh năm 1919 - chết ngày 26/7/2009). Khi còn sống, bà B có tạo lập được tài sản là diện tích đất 1225m² thửa đất số 78 tờ bản đồ số 10 (bản đồ cũ) và diện tích đất 1685m² thửa đất số 79 tờ bản đồ số 15 (bản đồ cũ) cùng tọa lạc tại xã H, huyện N, tỉnh Đ, đã được UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K458533 ngày 25/10/1997.

Bà B chết không để lại di chúc, hàng thừa kế thứ nhất của bà Lâm Thị B gồm:

- Cha mẹ của bà B: ông Lâm Văn T (chết năm 1962) và bà Nguyễn Thị V (chết năm 1962).

- Chồng của bà B: chồng trước là ông Lý Văn B (chết năm 1948); chồng sau là ông Nguyễn Văn M (chết năm 1952).

- Các con của bà B:

+ Con chung với ông B gồm: Bà Lâm Thị M, sinh năm 1940; Bà Lâm Thị R (sinh năm 1943-chết năm 2007; chồng bà R là ông Vi Th, sinh năm 1939 - chết năm 2004; Các con của bà R gồm: bà Vi Thị Thanh L, sinh năm 1967; ông Vi Quốc Tr, sinh năm 1972; ông Vi Quốc Th, sinh năm 1975; ông Vi Quốc D1, sinh năm 1978); Bà Lâm Thị Cẩm V, sinh năm 1948.

+ Con chung với ông M gồm: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1947; Ông Nguyễn Văn Ư (chết năm 1970 - không có vợ con).

Như vậy, vào thời điểm mở thừa kế, hàng thừa kế thứ nhất của bà Lâm Thị B gồm: bà Lâm Thị M; bà Lâm Thị Cẩm V, bà Nguyễn Thị S; Người thừa kế thế vị của bà Lâm Thị R là: ông Vi Quốc Tr, ông Vi Quốc Th, ông Vi Quốc D1, bà Vi Thị Thanh L.

Do một mình bà B tạo lập, giữ gìn, quản lý đất đai nên hai thửa đất nêu trên là tài sản riêng của bà B, di sản thừa kế của bà Lâm Thị B gồm:

Diện tích đất 1225m² thuộc thửa đất số 78 tờ bản đồ số 10 (bản đồ cũ) xã Phú Hội, huyện N, tỉnh Đ và diện tích đất 1685m² thuộc thửa đất số 79 tờ bản đồ số 15 (bản đồ cũ) tọa lạc tại xã H, huyện N, tỉnh Đ.

Thực tế, bà Nguyễn Thị S, bà Lâm Thị M với các con của bà R (cụ thể là ông Tr) và cháu bà V (anh Ph) đã xây dựng nhà ở và quản lý, sử dụng đất từng phần riêng rõ ràng trên thửa đất số 78 tờ bản đồ số 10 (cũ) xã H. Theo kết quả đo đạc của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ nhánh N thì phần nhà đất bà Lâm Thị M quản lý, sử dụng là 211m² (trên đất có nhà của bà M và nhà ông H - con trai bà M).

Phần nhà đất ông Vi Quốc Tr sử dụng là 225m² (trên đất có nhà của ông Tr, ông Th - đều do ông Tr quản lý, sử dụng).

Phần nhà đất bà Nguyễn Thị S quản lý, sử dụng diện tích 347m².

Phần đất bà Lâm Thị Cẩm V quản lý, sử dụng 286m² (hiện nay có nhà của anh Nguyễn Hữu Ph - cháu ngoại bà V).

Ngày 16/4/2024 bà Nguyễn Thị S đề nghị Tòa án giải quyết:

- Chia di sản thừa kế của bà Lâm Thị B theo pháp luật cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà B là bà Nguyễn Thị S, bà Lâm Thị M, bà Lâm Thị Cẩm V và những người thừa kế thế vị của bà Lâm Thị R (ông Vi Quốc Tr, ông Vi Quốc Th, ông Vi Quốc D1, bà Vi Thị Thanh L) mỗi người được hưởng 01 suất thừa kế cụ thể: Mỗi người thuộc hàng thừa kế thứ nhất được hưởng diện tích đất 421.25m² thuộc thửa 79 tờ bản đồ số 15 (bản đồ cũ) xã H, huyện N, tỉnh Đ.

- Đối với thửa đất số 78 tờ bản đồ số 10 (bản đồ cũ) xã H, huyện N, tỉnh Đ thì chia theo diện tích đất mỗi người đang quản lý, sử dụng, cụ thể: Bà Lâm Thị M được hưởng diện tích đất 215m²; Những người thừa kế thế vị của bà Lâm Thị R (ông Vi Quốc Tr, ông Vi Quốc Th, ông Vi Quốc D1, bà Vi Thị Thanh L) hưởng chung diện tích đất 228m²; Bà Lâm Thị Cẩm V được hưởng diện tích đất 264m²; Bà Nguyễn Thị S được hưởng diện tích đất 347m².

Đối với đất thổ (ONT) thì đề nghị chia đều cho mỗi người được hưởng

75m².

Tuy nhiên, khi Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ thì gia đình mới phát hiện thửa đất số 79 tờ bản đồ số 15 (bản đồ cũ) xã H, huyện N, tỉnh Đ đã bị quy hoạch khu công nghiệp (gia đình bà B đã nhận tiền bồi thường xong từ lâu), nên bà S đã làm đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về việc chia thừa kế đối với thửa đất 79.

Nay bà L đại diện bà S yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Lâm Thị B cho các con bà B và các cháu ngoại bà B là anh chị em ông Vi Quốc Tr (thừa kế thế vị của bà Lâm Thị R), chia cụ thể diện tích mà hiện nay từ gia đình đang sử dụng (yêu cầu chia theo hiện trạng bản đồ địa chính thành lập năm 2008, do các thửa đất liền kề đều có ranh giới rõ ràng với thửa đất đang tranh chấp và họ cũng đã cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà S không tranh chấp).

Việc các con, cháu bà M, vợ con anh Tr, cháu bà V ở trên đất, bà S không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn bà Lâm Thị Cẩm V có người đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Thị Ngọc D trình bày:*

Về quan hệ huyết thống, nguồn gốc thửa đất tranh chấp, quá trình quản lý sử dụng theo bà L - đại diện nguyên đơn trình bày là đúng.

Hiện nay các con, cháu của bà Lâm Thị B đã quản lý sử dụng ổn định (đều đã có nhà trên đất, có ranh giới rõ ràng từng phần) nên đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế theo diện tích từng người sử dụng căn cứ vào kết quả đo vẽ.

Bà V không tranh chấp với các con, cháu của bà M, vợ con của ông Tr và anh Ph (cháu ngoại của bà V), không yêu cầu giải quyết.

Bà V đề nghị được chia diện tích đất 286m², ngay vị trí có nhà mà anh Ph đang sinh sống. Đối với đất thổ (ONT) thì đề nghị chia đều cho mỗi người được hưởng 75m².

Ngoài ra bà V không tranh chấp gì thêm.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vi Quốc Tr có người đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:*

Hoàn toàn thống nhất với ý kiến của nguyên đơn.

Mẹ ông Tr là bà Lâm Thị R (đã chết), bà R có 04 người con gồm: ông Vi Quốc D1, bà Vi Thị Thanh L, ông Vi Quốc Tr và ông Vi Quốc Th.

Nay các anh chị em đồng ý để ông Tr nhận phần di sản thừa kế (thừa kế thế vị của bà R), phần đất này hiện nay ông Tr đang trực tiếp sử dụng. Trên đất có nhà của ông Tr, nhà ông Th nhưng ông Tr và ông Th không tranh chấp việc ở trên đất. Đề nghị Tòa án chia cho các anh chị em ông Tr (tất cả đồng ý giao cho ông Tr đứng tên) diện tích đất 225m².

Ông Tr không tranh chấp với những người đang sống trên đất, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay các thửa đất liền kề đều đã được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông Tr đề nghị căn cứ kết quả đo đạc theo bản đồ mới (bản đồ thành lập năm 2008) để chia thừa kế.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị M có người đại diện hợp pháp là ông Lê Hoàng D trình bày:*

Bà M hoàn toàn thống nhất ý kiến của nguyên đơn, bị đơn.

Bà M đồng ý chia di sản thừa kế của bà Lâm Thị B, đề nghị chia cho bà M diện tích 225m² mà hiện nay bà M đang sử dụng. Đất thổ (ONT) thì bà M đề nghị chia đều cho mỗi người được hưởng 75m².

Bà M không tranh chấp việc ở trên đất với các con, cháu bà M, các con bà R, cháu ngoại bà V.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vi Quốc Th, bà Vi Thị Thanh L, ông Vi Quốc D1 trình bày tại hồ sơ:*

Các ông, bà là con của bà Lâm Thị R (bà R sinh năm 1943, chết năm 2007), ba của ông bà là ông Vi Th (sinh năm 1939, chết năm 2004). Bà R và ông Th có 04 người con gồm: Vi Thị Thanh L, Vi Quốc Tr, Vi Quốc Th, Vi Quốc D1. Ngoài ra bà R và ông Th không có con chung, con riêng, con nuôi nào khác.

Về quan hệ huyết thống, nguồn gốc đất theo bà S trình bày là đúng.

Bà Lâm Thị B chết không để lại di chúc, tài sản bà B để lại là thửa đất (thửa 78 tờ bản đồ 10 bản đồ cũ xã H, huyện N, tỉnh Đ). Hiện nay trên thửa đất 78 có nhà bà M, nhà con bà M (ông H), nhà cháu bà V (anh Ph), nhà vợ chồng ông Tr, nhà ông Th.

Việc bà S yêu cầu chia thừa kế, các ông bà đồng ý.

Trường hợp theo quy định pháp luật mà ông, bà được hưởng thừa kế thế vị từ bà Lâm Thị R thì ông, bà tự nguyện giao phần đất được hưởng cho anh Vi Quốc Tr.

Các ông, bà không tranh chấp gì với những người khác trong vụ án này. Do ở xa và không tranh chấp nên ông, bà xin vắng mặt tổng quá trình giải quyết vụ án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H, bà Lê Thị Hồng Đ, chị Lê Thị Thanh H trình bày tại hồ sơ:*

Ông H và bà Đ là con trai, con dâu còn chị H là cháu nội của bà Lâm Thị M. Hiện nay vợ chồng ông H có 01 căn nhà tường trên thửa đất số 78 tờ bản đồ 10 (bản đồ cũ) xã H, huyện N, tỉnh Đ.

Nay bà S, bà V, bà M và các con bà R yêu cầu chia thừa kế, ông H, bà Đ và chị H không có ý kiến, cũng không tranh chấp.

Việc ông, bà ở trên đất thì sẽ tự thỏa thuận giải quyết với bà M, bà S, bà V và các con bà R, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay ông H, bà Đ, chị H bận đi làm và không tranh chấp nên xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Minh Th1, chị Phạm Thị Th đồng thời là người đại diện theo pháp luật cho cháu Lê Anh V, Lê Anh K trình bày tại hồ sơ:*

Anh Th1 là cháu ruột còn chị Th (vợ anh Th1) là cháu dâu của bà Lâm Thị M. Hiện nay vợ chồng anh có 01 căn nhà tường trên thửa đất số 78 tờ bản đồ 10 (bản đồ cũ) xã H, huyện N, tỉnh Đ. Anh chị đang sống cùng bà Lâm Thị M và 02 con (Lê Anh V - sinh năm 2009, Lê Anh K - sinh năm 2018) trên đó.

Nay bà S, bà V, bà M và các con bà Lâm Thị R yêu cầu chia thừa kế, anh chị không có ý kiến, cũng không tranh chấp.

Việc vợ chồng anh chị ở trên đất thì sẽ tự thỏa thuận giải quyết với bà M, bà S, bà V và các con bà R, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay anh chị bận đi làm và không tranh chấp nên xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị X đồng thời là người đại diện theo pháp luật cho cháu Vi Huỳnh Quốc Tr1 trình bày tại hồ sơ:*

Bà là vợ của ông Vi Quốc Tr. Hiện nay vợ chồng bà có 01 căn nhà tường trên thửa đất số 78 tờ bản đồ 10 (bản đồ cũ) xã H, huyện N, tỉnh Đ. Bà đang sống cùng chồng và con (Vi Huỳnh Quốc Tr1) trên đất.

Nay bà S, bà V, bà M và các anh chị em, chồng bà yêu cầu chia thừa kế thì bà không có ý kiến, cũng không tranh chấp. Việc chị ở trên đất thì sẽ tự thỏa thuận giải quyết với bà M, bà S, bà V và các con bà R, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bà không tranh chấp nên xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hữu Ph trình bày tại hồ sơ:*

Anh là cháu ngoại của bà Lâm Thị Cẩm V. Hiện nay anh có 01 căn nhà tường trên thửa đất số 78 tờ bản đồ 10 (bản đồ cũ) xã H, huyện N, tỉnh Đ, anh đang sống một mình.

Nay bà S, bà V, bà M và các anh chị em ông Tr yêu cầu chia thừa kế thì anh Ph không có ý kiến, cũng không tranh chấp.

Việc anh Ph ở trên đất thì sẽ tự thỏa thuận giải quyết với bà M, bà S, bà V và các con bà R, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay anh bận đi làm, cũng không tranh chấp nên xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đ phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện N thụ lý vụ án

đúng thẩm quyền; xác định tư cách của đương sự, thu thập chứng cứ, hòa giải đúng quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Thửa đất số 78 tờ bản đồ số 10 (cũ) nay là thửa đất số 465 tờ bản đồ số 32 xã H, diện tích 1069m²- bản đồ địa chính được thành lập năm 2008 tại xã H, huyện N, tỉnh Đ được UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K458533 ngày 25/10/1997 là tài sản của bà Lâm Thị B. Căn cứ vào Giấy chứng tử và lời khai của các đương sự có đủ căn cứ xác định bà B mất ngày 26/07/2009 không để lại di chúc, thời điểm mở thừa kế được tính từ ngày 26/07/2009 theo Điều 611 Bộ luật dân sự. Căn cứ Điều 649, 650, 651 Bộ luật dân sự 2015 thì di sản của bà B sẽ được chia cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất. Bà B chỉ có 05 người con gồm Lâm Thị M, Lâm Thị R (đã chết, có 4 người con), Lâm Thị Cẩm V, Nguyễn Thị S, Nguyễn Văn U (đã chết, không có vợ con). Bà Lâm Thị R chết năm 2007 trước thời điểm bà B nên căn cứ Điều 652 Bộ luật dân sự về thừa kế thế vị, con của bà R là Vi Thị Thanh L, Vi Quốc Tr, Vi Quốc Th, Vi Quốc D1 sẽ được hưởng phần di sản mà bà R được hưởng. Thực tế, thửa đất số 78 tờ bản đồ số 10 (cũ) (nay là thửa đất số 465 tờ bản đồ số 32 xã H diện tích 1069m² đang được những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất quản lý và sử dụng như sau: Bà Lâm Thị M 211m²; ông Vi Quốc Tr 225m²; bà Nguyễn Thị S khoảng 347m²; bà Lâm Thị Cẩm V khoảng 286m².

Các đương sự đều thống nhất việc chia thừa kế tương ứng với phần đất mà mỗi người đang quản lý, sử dụng. Do đó yêu cầu của bà S đối với việc chia di sản thừa kế theo từng phần mà hiện nay những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất đang trực tiếp quản lý, sử dụng là có cơ sở để chấp nhận. Bà B được cấp 300m² đất thổ (ONT) trong diện tích đất 1225m² (thuộc thửa đất số 78 tờ bản đồ số 10 - bản đồ cũ). Nay bà Nguyễn Thị S yêu cầu chia đều phần đất thổ (ONT) này thành 04 phần, mỗi người được hưởng 75m² là có cơ sở để chấp nhận.

Căn cứ các điều 611, 612, 613, 649, 650, 651, 652 Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S, chia di sản theo phần đất mà những người thừa kế đang quản lý, sử dụng: bà Lâm Thị M được hưởng 211m², bà Nguyễn Thị S được hưởng 347m², bà Lâm Thị Cẩm V được hưởng 286m², ông Vi Quốc Tr (con bà Lâm Thị R) được hưởng 225m²(trong đó mỗi người được hưởng 75m² đất thổ - ONT).

Đình chỉ đối yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất số 79, tờ bản đồ số 15 do nguyên đơn bà S rút yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ông Vi Quốc D1, bà Vi Thị Thanh L, Lê Văn H, bà Lê Thị Hồng Đ, chị Lê Thị Thanh H, anh Lê Minh Th1, chị Phạm Thị Th, Nguyễn Hữu

Ph có yêu cầu vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo quy định.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật và tư cách đương sự:

+ Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị S khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là diện tích đất tại thửa 78 tờ bản đồ 10 và thửa 79 tờ bản đồ 15 xã H, huyện N, tỉnh Đ (bản đồ thành lập năm 1995) nên căn cứ vào khoản khoản 5 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đ có thẩm quyền giải quyết vụ án.

+ Quan hệ pháp luật được xác định là: “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

+ Tư cách đương sự: Căn cứ Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là bà Nguyễn Thị S, bị đơn là bà Lâm Thị Cẩm V; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là người con chung còn lại của bà B là bà Lâm Thị M.

Bà Lâm Thị R (con bà B- đã chết năm 2007) nên xác định người thừa kế thế vị là các con bà R gồm: ông Vi Quốc D1, bà Vi Thị Thanh L, ông Vi Quốc Tr, ông Vi Quốc Th là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Do trên thửa đất tranh chấp có ông H, bà Đ, chị H, anh Th1, chị Th, cháu K, cháu V (là con, cháu của bà Lâm Thị M), có vợ con của ông Tr là bà X, anh Tr1, cháu ngoại bà V là anh Ph sinh sống nên xác định những người này là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Bà Nguyễn Thị S và ông Vi Quốc Tr ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Kim L, bà Lâm Thị Cẩm V ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Ngọc D, bà Lâm Thị M ủy quyền cho ông Lê Hoàng D nên căn cứ Điều 85 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định người đại diện hợp pháp của bà S, ông Tr là bà L, người đại diện hợp pháp của bà V là bà D, người đại diện hợp pháp của bà M là ông D.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

[3.1]. Ngày 20/6/2024 bà Nguyễn Thị S rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia thừa kế đối với diện tích đất tại thửa 79 tờ bản đồ 15 (bản đồ cũ) xã Phú Hội, huyện N. Tại phiên tòa bà L - người đại diện theo ủy quyền của bà S giữ nguyên việc rút một phần yêu cầu khởi kiện.

Xét thấy, bà S rút yêu cầu khởi kiện đối với thửa đất số 79 tờ bản đồ 15 là hoàn toàn toàn tự nguyện nên cần căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự để đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà S.

[3.2]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S về việc chia thừa kế đối với thửa đất số 78 tờ bản đồ 10 (tương ứng thửa 465 tờ bản đồ 32 - bản đồ thành lập năm 2008) xã H, huyện N, tỉnh Đ thì thấy:

Nguồn gốc đất tranh chấp tại thửa 78 tờ bản đồ 10 xã H, huyện N, tỉnh Đ là do bà Lâm Thị B được Ủy ban nhân dân huyện N cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 25/10/1997.

Ngày 26/7/2009 bà Lâm Thị B chết không để lại di chúc.

Xét thấy, cha mẹ và chồng bà B đều đã chết nên hàng thừa kế thứ nhất của bà B là các con gồm: Lâm Thị M, Lâm Thị Cẩm V, Nguyễn Thị S, Lâm Thị R (bà R chết ngày 25/02/2007 nên căn cứ các điều 651, 652 Bộ luật dân sự thì các con bà R gồm: Vi Quốc Th, Vi Quốc Tr, Vi Thị Thanh L, Vi Quốc D1 là người thừa kế thế vị).

Qua xem xét thẩm định tại chỗ, hiện nay phần đất tại thửa 78 tờ bản đồ 10 xã H tương ứng thửa 465 tờ bản đồ 32 (bản đồ thành lập năm 2008) còn tổng diện tích 1.069m². Qua kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H thì các thửa đất liền kề thửa 456 đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền ở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Ngoài ra, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chỉ yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích đất hiện nay họ quản lý trên thực tế (căn cứ vào bản đồ địa chính thành lập năm 2008). Vì vậy, hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả đo đạc tại “Trích lục và đo hiện trạng khu đất bản đồ địa chính” số 2488/2024 ngày 24/7/2024 để làm cơ sở giải quyết vụ án. Đối với đất thổ (ONT) 300m² sẽ được chia đều 04 phần, mỗi kỳ phần được hưởng 75m².

Theo quy định pháp luật thì di sản của bà Lâm Thị B sẽ được chia đều cho các con, nhưng thực tế các con, cháu của bà Lâm Thị B đã xây nhà ở ổn định, có ranh giới sử dụng riêng của từng người, cụ thể:

Phần bà Lâm Thị M quản lý, sử dụng là 211m² (trên đất có nhà của bà M và nhà ông H - con trai bà M) giới hạn từ mốc 1,2,3,4,5,6,1.

Phần nhà đất ông Vi Quốc Tr sử dụng là 225m² (trên đất có nhà của ông Tr, ông Th - đều do ông Tr quản lý, sử dụng), giới hạn từ mốc 4,7,8,9,5,4.

Phần đất bà Nguyễn Thị S quản lý, sử dụng diện tích 347m², giới hạn từ mốc 10, 11,12, 13, 9,10 (có nhà ở và các công trình của bà S xây dựng).

Phần đất bà Lâm Thị Cẩm V quản lý, sử dụng diện tích 286m² (có nhà của Nguyễn Hữu Ph), giới hạn từ mốc 12,13,15,16,17,18,19,13,12.

Các đương sự cũng yêu cầu được chia thừa kế theo hiện trạng sử dụng đất. Do vậy cần chia thừa kế cho bà M, bà S, bà V, các con bà Lâm Thị R theo hiện trạng đất mà họ đang sử dụng là phù hợp pháp luật.

[3.3]. Ông Th, ông D, bà L tự nguyện giao phần thừa kế thế vị mà họ được hưởng cho ông Vi Quốc Tr, ông Tr đồng ý nhận. Xét việc thỏa thuận của các đương sự phù hợp pháp luật nên cần chia cho ông Vi Quốc Tr được hưởng phần thừa kế thế vị của bà Lâm Thị R.

[3.4]. Các đương sự không tranh chấp về việc vợ chồng ông H, vợ chồng anh Th1, anh Ph, vợ con ông Tr sống trên đất nên không xem xét.

[4]. Về chi phí tố tụng: Căn cứ các điều 157, 161, 165 Bộ luật tố tụng dân sự các đương sự phải chịu chi phí tố tụng tương ứng với phần đất được chia theo quy định.

[5]. Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

Ông Vi Quốc Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (có giá ngạch 900.000.000 đồng).

Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016, do bà M, bà S, bà V đã trên 60 tuổi và đã có đơn xin miễn án phí nên cần xem xét miễn án phí cho đương sự theo quy định.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 68, 147, 157, 161, 227, 244, 266, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 612, 649, 650, 651, 652, 660 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S về việc yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích đất 1.685m² thửa 79 tờ bản đồ 15 xã H, huyện N, tỉnh Đ.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Xử: Chia di sản thừa kế của bà Lâm Thị B cho các hàng thừa kế, cụ thể như sau:

- Chia cho bà Lâm Thị M diện tích đất 211m² (trong đó có 75m² đất ONT, 136 m² đất vườn) thuộc 01 phần thửa 465 tờ bản đồ 32 (bản đồ thành lập năm 2008), xã H, huyện N, tỉnh Đ (được giới hạn bởi các mốc 1,2,3,4,5,6,1), có tứ cận:

Đông giáp đất chia cho ông Vi Quốc Tr (mốc 4-5).

Tây giáp giáp đường bê tông (mốc 2-7)

Nam giáp đường bê tông (6-7) và thửa 153 (mốc 5-6)

Bắc giáp đường bê tông (mốc 2-3-4).

- Chia cho ông Vi Quốc Tr diện tích đất 225m² (trong đó có 75m² đất ONT, 150m² đất vườn) thuộc 01 phần thửa 465 tờ bản đồ 32 (bản đồ thành lập năm 2008), xã H, huyện N, tỉnh Đ (được giới hạn bởi các mốc 4,7,8,9,5,4), có tứ cận:

Đông giáp đất chia cho bà Nguyễn Thị S (mốc 8-9).

Tây giáp đất chia cho bà Lâm Thị M (mốc 4-5)

Nam giáp thửa 153 (mốc 5-9)

Bắc giáp đường bê tông (mốc 4-7-8).

- Chia cho bà Nguyễn Thị S diện tích đất 347m² (trong đó có 75m² đất ONT, 272m² đất vườn) thuộc 01 phần thửa 465 tờ bản đồ 32 (bản đồ thành lập năm 2008), xã H, huyện N, tỉnh Đ (được giới hạn bởi các mốc 10,11,12,13,9,8,10), có tứ cận:

Đông giáp đất chia cho bà Lâm Thị Cẩm V (mốc 12-13).

Tây giáp đường bê tông (mốc 10-8) và đất chia cho ông Vi Quốc Tr (mốc 8-9)

Nam giáp thửa 153 (mốc 9-13)

Bắc giáp thửa 130 (mốc 10-11-12).

- Chia cho bà Lâm Thị Cẩm V diện tích đất 286m² (trong đó có 75m² đất ONT, 211m² đất vườn) thuộc 01 phần thửa 465 tờ bản đồ 32 (bản đồ thành lập năm 2008), xã H, huyện N, tỉnh Đ (được giới hạn bởi các mốc 12,14,15,16,17,18,19,13,12), có tứ cận:

Đông giáp thửa 154, 155, 156 (mốc 19-18-17-16-15).

Tây giáp đất chia cho bà Nguyễn Thị S (mốc 12-13).

Nam giáp thửa 153 (mốc 13-19)

Bắc giáp thửa 130 (mốc 12-14-15.).

(Vị trí đất được xác định tại “Trích lục và đo hiện trạng bản đồ địa chính” số 2488/2024 ngày 24/7/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ chi nhánh Nhơn Trạch kèm theo).

Các đương sự được liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kê khai diện tích đất được chia theo quy định.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị S phải chịu 30.875.00 đồng (đã nộp xong).

Bà Lâm Thị Cẩm V phải chịu 27.875.000 đồng (đã nộp xong).

Bà Lâm Thị M phải chịu 26.875.000 đồng (đã nộp xong).

Ông Vi Quốc Tr phải chịu 25.875.000 đồng (đã nộp xong).

4. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị S, bà Lâm Thị M, bà Lâm Thị Cẩm V được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Vi Quốc Tr phải chịu 24.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Bà Nguyễn Thị S, bà Lâm Thị Cẩm V, bà Lâm Thị M, ông Vi Quốc Tr được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- Lưu hồ sơ, án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Mai